

Số: 90 /BC-QLCL

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Thông tin giá cả thị trường nông sản từ 14/7/2023 đến ngày 20/7/2023

I. Giá nông sản, vật tư tại Lâm Đồng:

Qua cập nhật thông tin giá nông sản và vật tư nông nghiệp tại các điểm cung cấp tin trên địa bàn các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Lâm Hà, Bảo Lâm, Đạ Tẻh và thành phố Đà Lạt, giá cổng trại một số sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp có sự biến động so với tuần trước như sau:

1. Một số sản phẩm nông sản

- Sản phẩm rau, củ, quả: Cải bắp và cải thảo 2.000 đồng/kg, đều tăng 1.000 đồng/kg; cà chua 7.000 đồng/kg, súp lơ xanh 18.000 đồng/kg, pò xôi 40.000 đồng/kg, đều tăng 2.000 đồng/kg; ớt chuông Đà Lạt 18.000 đồng/kg, tăng 3.000 đồng/kg so với tuần trước.

- Sản phẩm hoa: Các loại hoa Đà Lạt đều có giá ổn định so với tuần trước.

- Sản phẩm cây công nghiệp: Cà phê vối nhân xô 64.000 – 64.200 đồng/kg, giảm 800 – 1.000 đồng/kg so với tuần trước.

- Sản phẩm chăn nuôi: Lợn hơi 63.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; kén tằm (tại Đạ Tẻh) 145.000 đồng/kg, giảm 5.000 đồng/kg so với tuần trước.

Các sản phẩm chăn nuôi còn lại như gà hơi, sữa bò... đều có giá ổn định so với tuần trước.

2. Vật tư nông nghiệp

Các sản phẩm vật tư phân bón đều có giá ổn định tại các huyện so với tuần trước.

3. Dự báo chung

Trong thời gian tới, dự báo một số sản phẩm rau, củ, quả sẽ tăng nhẹ. Các loại hoa Đà Lạt tình hình tiêu thụ giảm nên giá vẫn giữ ở mức thấp. Các sản phẩm vật tư phân bón giá cả tương đối ổn định.

(Chi tiết giá các loại nông sản theo phụ biểu 1 đính kèm)

II. Giá nông sản tại các tỉnh, thành phố:

1. Tại TP HCM

1.1 Nhóm cây trồng chủ lực- rau.

Tổng sản lượng rau, quả bình quân tuần này của 03 chợ đầu mối là 3.890 tấn/ngày so với tuần trước là 3.776 tấn/ngày (tăng bình quân 114 tấn/ngày so với tuần trước) trong đó: sản lượng rau củ bình quân tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.583 tấn/ngày (tăng bình quân 64 tấn/ngày so với tuần trước); sản lượng rau, củ bình quân tại chợ đầu mối Hóc Môn là 1.664 tấn/ngày (tăng bình quân 55 tấn/ngày so với tuần trước); sản lượng rau, củ bình quân tại chợ đầu mối Bình Điền là 643 tấn/ngày (giảm bình quân 5 tấn/ngày so với tuần trước).

a) Giá rau, quả tại vườn theo tiêu chuẩn VietGAP

Giá rau, quả tại vườn theo tiêu chuẩn VietGAP trong tuần qua giảm bình quân 4,5% so với tuần trước trong đó: Giá bầu 7.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); giá khổ qua 10.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); giá dưa leo 9.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

b) Giá rau, quả tại Hợp tác xã theo tiêu chuẩn VietGAP

Giá rau, quả tại Hợp tác xã theo tiêu chuẩn VietGAP trong tuần qua giảm bình quân 5,1% so với tuần trước trong đó: Giá bầu 8.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); giá khổ qua 11.000 đồng/kg (giảm 2.000 đồng/kg); giá dưa leo 10.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

c) Giá rau, quả tại chợ đầu mối Thủ Đức

Giá rau, quả tại chợ đầu mối Thủ Đức trong tuần qua giảm bình quân 9,9% so với tuần trước, trong đó: Giá bầu 6.000 đồng/kg (giảm 2.000 đồng/kg); giá bí đao 8.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); giá khổ qua 7.000 đồng/kg (giảm 2.000 đồng/kg); giá dưa leo 8.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

d) Giá rau, quả tại chợ Bà Chiểu

Giá rau, quả tại chợ Bà Chiểu trong tuần qua tăng bình quân 2,2% so với tuần trước. Giá bầu 20.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá bí đao 23.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg); giá khổ qua 22.000 đồng/kg (giảm 3.000 đồng/kg); giá dưa leo 15.000 đồng/kg (giảm 2.000 đồng/kg); giá các mặt hàng rau củ khác ổn định so với tuần trước.

e) Giá rau, quả tại siêu thị

Giá rau, quả tại siêu thị Coopmart tuần qua tăng bình quân 6,9% so với tuần trước. Giá cải xanh 32.000 đồng/kg (tăng 2.400 đồng/kg); giá bầu 23.000 đồng/kg (tăng 6.000 đồng/kg); giá bí đao 22.500 đồng/kg (tăng 4.500 đồng/kg); giá khổ qua 26.000 đồng/kg (giảm 6.600 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

1.2. Nhóm sản phẩm chăn nuôi chủ lực - heo

- Giá heo giống loại từ (16 đến 20 kg) giá dao động từ 2.000.000 đến 2.400.000 đồng/con, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo hơi tại các trại chăn nuôi, hộ dân như sau: Giá heo hơi loại 1 là 62.000 đồng/kg và loại 2 là 58.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo hơi tại công ty Cổ phần C.P như sau: Giá heo hơi loại 1 là 64.000 đồng/kg và loại 2 là 60.500 đồng/kg, giá bình quân ổn định so với tuần trước.

a) Tổng sản lượng thịt heo tại 02 chợ đầu mối

Tổng sản lượng thịt heo bình quân tại hai chợ đầu mối trong tuần qua là 558 tấn/ngày so với tuần trước là 604 tấn/ngày (giảm bình quân 6,7% so với tuần trước), trong đó: sản lượng thịt heo bình quân chợ đầu mối Hóc Môn là 335 tấn/ngày (giảm bình quân 39 tấn/ngày so với tuần trước), sản lượng thịt heo bình quân chợ Bình Điền là 223 tấn/ngày (giảm bình quân 7 tấn/ngày so với tuần trước).

b) Giá thịt heo chợ đầu mối Hóc Môn

- Giá các mặt hàng thịt heo tại chợ đầu mối Hóc Môn bình quân giảm 0,6% so với tuần trước. Trong đó: Giá thịt heo mảnh loại 1 là 74.000 đồng/kg (giảm 3.000 đồng/kg), giá thịt heo mảnh loại 2 là 68.000 đồng/kg (giảm 2.000 đồng/kg); giá thịt đùi rọ 70.000 đồng/kg (giảm 3.000 đồng/kg), giá thịt ba rọi 100.000 đồng/kg (giảm 15.000 đồng/kg); giá sườn non 145.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg); giá thịt cốt lết 78.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); giá thịt giò trước 70.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá thịt giò sau 65.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg); các mặt hàng thịt heo khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

c) Giá thịt heo tại chợ Bà Chiểu

Giá thịt heo tại chợ Bà Chiểu trong tuần qua giảm 7,1% so với tuần trước.

d) Giá thịt heo tại cửa hàng Vissan

Giá thịt heo tại cửa hàng Vissan giảm 8,5% so với tuần trước.

1.3 Nhóm sản phẩm thủy sản

Sản lượng thủy hải sản chợ Bình Điền tăng 1% so với tuần trước. Giá thủy sản tại chợ đầu mối Bình Điền giảm 14,3% so với tuần trước: giá mực ống (F) là 210.000 đồng/kg (giảm 30.000 đồng/kg) và giá mực lá 210.000 đồng/kg (giảm 40.000 đồng/kg).

Giá tôm nước lợ tại chợ Bà Chiểu tuần này ổn định so với tuần trước, trong đó: tôm thẻ (F) 250.000 đồng/kg và giá tôm sú (F) 350.000 đồng/kg.

1.4. Giá gia cầm tại chợ Bình Điền, chợ truyền thống và sản lượng

- Sản lượng gia cầm bình quân tuần qua là 8,3 tấn/ngày (giảm 2,4% so với tuần trước).

- Giá gia cầm chợ Bình Điền ổn định so với tuần trước: giá gà công nghiệp nguyên con là 40.000 đồng/kg và giá vịt nguyên con là 60.000 đồng/kg.

- Giá gia cầm chợ Bà Chiểu ổn định so với tuần trước: giá gà công nghiệp nguyên con là 75.000 đồng/kg và giá vịt nguyên con là 90.000 đồng/kg.

1.5. Giá trái cây và sản lượng tại 03 chợ đầu mối

- Tổng sản lượng trái cây về 3 chợ đầu mối trong tuần qua bình quân là 1.797 tấn/ngày so với tuần trước là 1.815 tấn/ngày (giảm bình quân 4% so với tuần trước). Tại chợ đầu mối Hóc Môn là 1.296 tấn/ngày (giảm bình quân 16% so với tuần trước), tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.073 tấn/ngày (tăng bình quân 4% so với tuần trước), tại chợ đầu mối Bình Điền là 428 tấn/ngày (tăng bình quân 1% so với tuần trước).

- Giá trái cây chợ đầu mối Thủ Đức tăng 12,8% so với tuần trước, giá trái cây tại chợ Bà Chiểu tăng 2,2% so với tuần trước, giá trái cây tại siêu thị Coopmart tăng bình quân 5,4% so với tuần trước.

2. Tại Hà Nội

Do khan hiếm, giá rau xanh liên tục tăng mạnh, trong đó có nhiều loại rau tăng gấp đôi. Nhìn chung, mức tăng trung bình trên mỗi mặt hàng là từ 20%-30% so với thời điểm cách đây 1 tháng.

Cụ thể, nhóm rau cải tăng giá mạnh nhất. Trong đó, rau cải ngọt ở mức 13.000 đồng/mớ, tăng từ 5.000 - 7.000 đồng/mớ; cải xoong 16.000 đồng/kg; cải canh lên tới 35.000 đồng/kg; bắp cải cũng tăng gấp đôi lên mức 25.000 đồng/kg; cải chip, cải ngồng từ 30.000 đồng/kg...Giá các loại rau thơm, hành, mùi cũng đã đắt gấp đôi so với trước. Trước đây, giá rau thơm các loại từ 20.000 - 30.000 đồng/kg, thì nay tăng vọt lên 50.000 - 60.000 đồng/kg.

Ngoài ra, một số loại rau xanh cũng rục rịch tăng giá theo như rau ngót 7.000 đồng/mớ tăng lên 13.000 đồng/mớ, mướp hương có giá từ 12.000 đồng/kg

Gần 1 tháng trở lại đây, nguồn rau từ các vùng sản xuất rau tại ngoại thành đưa về chợ thiếu hụt khiến lượng hàng không còn dồi dào, phong phú so với trước đây. Khả năng rau xanh sẽ còn tăng giá hơn do đã vào mùa mưa bão, lượng hàng đổ về chợ sẽ càng ít đi. Nguyên nhân rau xanh tăng giá là do thời tiết diễn biến thất thường, nắng nóng gay gắt kéo dài đan xen mưa giông khiến các vùng sản xuất rau tại Hà Nội và các tỉnh lân cận bị ảnh hưởng, nhiều loại bị hỏng ngay trên ruộng khiến nguồn cung khan hiếm, giá tăng.

Ngoài rau củ, giá thịt heo vẫn trong đà tăng cao từ đầu năm tới nay. Cụ thể, giá thịt mỡ sấn 100.000 - 110.000/kg; thịt ba chỉ từ 120.000 - 130.000 đồng/kg; sườn thăn có giá bán 100.000 - 120.000 đồng/kg tùy loại, thịt chân giò 100.000 đồng/kg, nạc vai từ 100.000 - 120.000 đồng/kg,...

3. Khu vực Cần thơ

Tuần vừa qua, thời tiết tại khu vực phía Nam liên tục có mưa dông về chiều tối. Do ảnh hưởng thời tiết, nhiều loại rau xanh có lá bị hư hỏng, khiến giá rau củ cũng tăng nhẹ.

Hôm nay, giá thu mua xà lách tại các nhà vườn tại đạt mức 25.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg. Rau cải bẹ xanh có giá 14.500 đồng/kg, tăng 500 đồng/kg. Cà chua cũng tăng nhẹ 1.000 đồng lên mức 11.000 đồng/kg. Giá dưa leo thu mua tại nhà vườn vẫn ổn định với mức 9.000 đồng/kg.

Giá bán rau củ hôm nay tăng mạnh ở một số mặt hàng như bí đỏ, dưa leo, khổ qua. Đây là các loại rau củ có thể để dài ngày trong khi thời tiết mưa gió nên được nhiều bà nội trợ lựa chọn. Giá bí đỏ tăng gấp đôi từ 10.000 đồng/kg lên mức 20.000 đồng/kg. Dưa leo cũng tăng từ 10.000 đồng/kg lên mức 15.000 đồng/kg. Khổ qua tăng giá bán từ 20.000 đồng/kg lên mức 25.000 đồng/kg. Ngoài ra, giá bán bòn bòn cũng điều chỉnh giảm 5.000 đồng/kg, chỉ còn 30.000 đồng/kg.

Sau một thời gian tăng lên ở mức cao, giá trứng vịt tại nhiều tỉnh, thành vùng ĐBSCL đã giảm trở lại từ 2.000-5.000 đồng/chục so với cách nay khoảng 1 tháng. Hiện trứng vịt tươi bán cho thương lái có giá 25.000-29.500 đồng/chục. Còn trứng vịt tươi bán lẻ tại nhiều nơi ở mức 30.000-38.000 đồng/chục. Giá trứng vịt giảm do nguồn cung dồi dào và nhu cầu tiêu thụ giảm so với trước, đặc biệt nhiều cơ sở sản xuất trứng muối đã không còn thu mua trứng vịt tươi như trước

4. Khu vực Đà Nẵng

Giá rau tại TP. Đà Nẵng ổn định so với tuần trước ngoại trừ cà chua tăng 2.000 đồng/kg, bắp cải, cải thảo tăng 1.000 đồng/kg, ớt chuông tăng 3.000 đồng/kg, súp lơ, khoai tây tăng 2.000 đồng/kg.

5. Khu vực Gia Lai, Đắk Lắk

- Tại tỉnh Đắk Lắk: giá cà phê được thu mua cùng mức 65.300 đồng/kg giảm 200 đồng/kg so với tuần trước. Giá tiêu được thu mua với mức 68.000 đồng/kg ổn định so với tuần trước. Giá rau tại ĐắkLak tăng nhẹ cà chua, bắp cải, xà lách tăng 1.000 đồng/kg; cải thảo, hành lá tăng 2.000 đồng/kg; cà rốt tăng 7.000 đồng/kg.

- Tại tỉnh Gia Lai: Giá cà phê ở mức 65.200 đồng/kg tăng 100 đồng/kg so với tuần trước. Giá tiêu được thu mua với mức 67.000 giảm 500 đồng/kg so với tuần trước. Giá rau tại Gia Lai ổn định so với tuần trước ngoại trừ cà chua tăng 2.000 đồng/kg, xà lách giảm 2.000 đồng/kg, dưa leo tăng 1.000 đồng/kg

(Chi tiết giá các loại nông sản theo phụ biểu 2 đính kèm)

III. Giá tại các siêu thị:

Hiện, các sản phẩm thịt heo được bán với giá trong khoảng 92.720 - 155.922 đồng/kg, trong đó các loại đang được giảm giá 20% theo chương trình ưu đãi dành cho hội viên của WinMart. Cụ thể, 155.922 đồng/kg là mức giá cao nhất được ghi nhận của sản phẩm ba rọi heo. Theo sau là giá nạc dăm heo, nạc vai heo và thịt heo xay loại 1 được bán lần lượt với mức 139.920 đồng/kg, 113.520 đồng/kg và 103.922 đồng/kg. Thấp hơn là giá chân giò rút xương với 99.122 đồng/kg.

Tương tự, giá thịt heo tại Công ty Thực phẩm Tươi sống Hà Hiền tiếp tục ổn định. Hiện, các sản phẩm thịt heo được bán trong khoảng 63.000 - 159.000 đồng/kg. Trong đó, ba sản phẩm mỡ heo, sườn già và ba rọi heo đang có giá tương ứng với mức 63.000 đồng/kg, 108.000 đồng/kg và 134.000 đồng/kg. Bên

cạnh đó, ba sản phẩm khác nạc đùi, đuôi heo và sườn non heo có giá 98.000 đồng/kg, 127.000 đồng/kg và 159.000 đồng/kg.

III. Dự báo, thông tin thị trường:

- Thị trường cà phê: hụt nguồn cung Robusta trong ngắn hạn là hiện hữu, tuy nhiên, khi giá cà phê tăng đột biến sẽ ảnh hưởng đến tâm lý nhiều nhà đầu tư do không thể đảm bảo tính bền vững trong giao dịch. Vì vậy, giá cà phê trong tuần này khó có khả năng tiếp tục tăng như tuần qua.

- Thị trường tiêu: Dự báo thị trường hạt tiêu toàn cầu chịu sức ép khi sản lượng của Việt Nam dự báo tăng, trong khi giới đầu cơ có xu hướng chuyển sang cà phê và sức mua từ các thị trường lớn như EU, Mỹ và Trung Quốc giảm.

Nơi nhận:

- SNN & PTNT;
- BCĐ XTĐT NS gắn với phát triển sản phẩm OCOP;
- Lưu: VT, Trạm QLCL.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Phúc Tín

Phụ lục 1. Giá nông sản và vật tư nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo báo cáo số 90 /BC-QLCL ngày 20 tháng 7 năm 2023)

I. Giá nông sản

STT	Mặt hàng nông sản	ĐVT	Giá công trại	Giá bán lẻ	Tăng/giảm so với tuần trước
1	Cà chua thường (Rita)	Kg	7.000	15.000	Tăng 2.000
2	Cải bắp (Đơn Dương)	Kg	2.000	10.000	Tăng 1.000
3	Cải thảo (Đơn Dương)	Kg	2.000	10.000	Tăng 1.000
4	Xà lách lolo xanh (Đơn Dương)	Kg	7.000	15.000	
5	Xà lách cuộn (Đơn Dương)	Kg	8.000	15.000	
6	Hành lá	Kg	16.000	30.000	
7	Su su	Kg	4.000	10.000	
8	Su hào	Kg	5.000	15.000	
9	Củ dền	Kg	4.000	10.000	
10	Ớt sừng	Kg	13.000	30.000	
11	Đậu leo	Kg	13.000	25.000	
12	Xà lách Coron (Đà Lạt)	Kg	10.000	16.000	
13	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	18.000	26.000	Tăng 3.000
14	Ớt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	18.000	26.000	Tăng 3.000
15	Súp lơ xanh (Đà Lạt)	Kg	18.000	26.000	Tăng 2.000
16	Pó xôi (Đà Lạt)	Kg	40.000	48.000	Tăng 2.000
17	Sầu riêng Monthong (Di Linh) Sầu riêng Monthong (Bảo Lâm)	Kg	67.000 50.000	70.000 70.000	
18	Sầu riêng Ri6 (Di Linh) Sầu riêng Ri6 (Bảo Lâm)	Kg	58.000 45.000	60.000 65.000	
19	Sữa bò	Kg	13.000	17.000	
20	Lợn hơi (Lâm Hà)	Kg	63.000		Tăng 1.000
21	Gà mái hơi (Lâm Hà) Gà trống hơi (Lâm Hà)	Kg	80.000 70.000		
22	Kén tầm (Đạ Tẻh) Kén tầm (Lâm Hà) Kén tầm (Bảo Lâm)	Kg	145.000 190.000 170.000		Giảm 5.000
23	Hoa lay ơn (Đà Lạt)	Chục	25.000		
24	Hoa cúc cảnh (đại đóa)	Chục	18.000		
25	Hoa cúc chùm (AT)	5 cây	7.000		
26	Hoa hồng đỏ Đà Lạt loại 1 Hoa hồng màu Đà Lạt loại 1	Chục	9.000 8.000		
27	Hoa lily Concador 5 tai (ù vàng)	5 cây	65.000		
28	Hoa lily Sorbone (hồng) 5 tai	5 cây	55.000		

29	Hoa đồng tiền	Chục	18.000		
30	Hoa cẩm chướng	2 chục	28.000		
31	Hoa cát tường	Kg	60.000		
32	Cà phê vối nhân xô (Di Linh) Cà phê vối nhân xô (Bảo Lâm)	Kg	64.000 64.200	64.700 64.500	Giảm 1.000 Giảm 800
33	Chè búp tươi hạt (Bảo Lâm) Chè búp tươi cành (Bảo Lâm)	Kg	6.000 9.000	7.000 10.000	

II. Giá vật tư nông nghiệp

STT	Mặt hàng vật tư nông nghiệp	ĐVT	Giá bán lẻ	Tăng/giảm so với tuần trước
1	Đạm Phú Mỹ (Lâm Hà) Đạm Phú Mỹ (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	600.000 550.000	
2	Đạm SA Nhật (Lâm Hà)	Bao 50kg	420.000	
3	Lân Lâm Thao (Lâm Hà)	Bao 50kg	260.000	
4	Lân Văn Điển (Lâm Hà)	Bao 50kg	300.000	
5	Kali Phú Mỹ (Lâm Hà)	Bao 50kg	800.000	
6	Phân NPK 16-16-8 (Lâm Hà) Phân NPK 16-16-8 Việt Nhật (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	800.000 750.000	
7	Lân vôi (Lâm Hà)	Bao 50kg	130.000	
8	Phân DAP con ó Pháp (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	1.100.000	

Phụ lục 2. Giá nông sản tại các tỉnh, thành phố

(Kèm theo báo cáo số 90 /BC-QLCL ngày 20 tháng 7 năm 2023)

STT	Sản phẩm	ĐVT	Giá bán tại TP.HC M	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Hà Nội	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Đà Nẵng	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Cần Thơ	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Đắk Lắk	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Gia Lai	Tăng/ Giảm
I	RAU, CỎ													
1	Cà chua thường	Kg	20.000	-	17.000	-1.900	23.000	+2.000	17.000	-	19.000	+1.000	20.000	+2.000
2	Bắp cải	Kg	20.000	+2.000	15.000	-	19.000	+1.000	13.000	Tăng 500	23.000	+1.000	14.000	
3	Cải thảo	Kg	25.000	-	24.000	-	19.000	+1.000	20.000	-	16.000	+2.000	17.000	
4	Xà lách lolo xanh	Kg	35.000	-	29.000	-	28.000	-	50.000	+5.000	27.000	+1.000	28.000	-2.000
5	Cà rốt	Kg	35.000	-	26.000	-	25.000	-	20.000	+ 2.000	21.000	+7.000	15.000	
6	Hành lá	Kg	50.000	-	49.000	+1.000	35.000	-	25.000	+ 2.000	22.000	+2.000	30.000	
7	Su hào	Kg	25.000	-	19.900	-	20.000	-	18.000	-	25.000	-	20.000	
8	Củ dền	Kg	20.000	-	27.000	-	20.000	-	20.000	-	15.000	-	22.000	
9	Ớt sừng	Kg	43.000	-	75.000	-	45.000	-	41.000	-1.000	40.000	-	60.000	
10	Cần tây	Kg	50.000	-	55.000	-	40.000	-	30.000	-	35.000	-	30.000	
11	Dưa leo	Kg	15.000	-2.000	16.500	-2.500	12.000	-	12.000	-	17.000	-	13.000	+1.000
12	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	40.000	-	79.000	-	50.000	+3.000	60.000	-	50.000	-	50.000	

13	Ốt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	40.000	-	79.000	-	50.000	+3.000	60.000	-	45.000	-	50.000	
14	Súp lơ	Kg	50.000	-5.000	52.900	-	37.000	+2.000	65.000	+10.000	35.000	-	45.000	
15	Khoai tây	Kg	40.000	-	43.000	-	27.000	+2.000	22.000	- 1.000	25.000	-	22.000	
17	Hành tây	Kg	27.000	-8.000	35.000	-	19.000	-	20.000	-	25.000	-	20.000	
18	Bồ xôi	Kg	30.000	-5.000	74.000	-	37.000	-	30.000	-	26.000	-	35.000	
II	HOA			-		-		-						
1	Hoa lay ơn	Chục	60.000	-	105.000	-15.000	40.000	-	85.000	-5.000	45.000	+5.000	40.000	
2	Hoa cúc cảnh (đại đóa)	Chục	65.000	-	53.000	-	45.000	-	60.000	-	38.000	+3.000	40.000	
3	Hoa cúc chùm (AT)	5 cây	17.000	-	72.000	-	20.000	-	35.000	-5.000	40.000	+5.000	28.000	
4	Hoa hồng đỏ Đà Lạt loại 1	Chục	30000	-	92.000	-	30.000	-	90.000	-20.000	35.000	-	35.000	
5	Hoa hồng màu Đà Lạt loại 1	Chục	30.000	-	90.000	-	30.000	-	90.000	-20.000	35.000	+5.000	35.000	
6	Hoa lily Concador 5 tai (ù vàng)	5 cây	85.000	-	280.000	-15.000	120.000	-	160.000	-10.000	70.000	-	120.000	
7	Hoa lily Sorbone (hồng) 5 tai	5 cây	85.000	-	302.000	- 10.000	120.000	-	155.000	-10.000	65.000	-	120.000	
8	Hoa đồng tiền	Chục	45.000	+5.000	50.000	-	45.000	-	60.000	-	50.000	-	40.000	
III	TRÁI CÂY			-		-		-						
1	Bơ	Kg	30.000	-	24.000	-1.000	35.000	-	25.000	-	40.000	-	10.000-	-

													15.000	
2	Sầu riêng Ri6	Kg	50.000	-	82.000	-	70.000	-	85.000	-	70.000	-	65.000-75.000	
VI	SẢN PHẨM CHĂN NUÔI			-		-		-						
1	Lợn hơi	Kg	60.000	-	65.000	-	60.000	-	61.000	+ 1.000	59.000	-	59.000	-
2	Gà mái hơi	Kg	75.000	-	84.000	+3.000	75.000	-	85.000	- 3.000	60000	-	70.000	-
3	Gà trống hơi	Kg	72.000	-	78.000	-	75.000	-	76.000	- 3.000	55.000	-	70.000	-

